

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KTTC
V/v xin ý kiến về dự thảo Chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025.

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

Kính gửi:

- Sở Công Thương,
- Sở Tài chính,
- Sở Khoa học và Công nghệ,
- Sở Tư pháp.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Văn bản số 3400/SCT-CNNT ngày 22/11/2021 của Sở Công Thương về việc báo cáo hoàn thiện dự thảo Chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường giai đoạn 2022-2025. Trên cơ sở kết quả Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 01/12/2021, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Nguyễn Văn Thi có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp và các sở, ngành, đơn vị có liên quan, tiếp thu ý kiến tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 01/12/2021 để hoàn thiện dự thảo Chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025 và tham mưu cho UBND tỉnh văn bản xin ý kiến các bộ: Công Thương, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 13/12/2021.

2. Sau khi Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản xin ý kiến các cơ quan Trung ương, giao các sở: Công Thương, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp liên hệ, làm việc với các Bộ chủ quản để sớm có ý kiến góp ý về dự thảo Chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện trước ngày 25/01/2022, đồng thời, gửi về Sở Công Thương để tổng hợp.

3. Trên cơ sở ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan Trung ương, giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan, hoàn thiện dự thảo Chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 10/02/2022./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT TT UBND tỉnh Nguyễn Văn Thi (để b/c);
- Lưu: VT, KTTC.

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Văn Chiến

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-KTTC
V/v xin ý kiến về dự thảo Chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025.

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Trong thời gian qua, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã có bước phát triển mạnh mẽ, đóng góp to lớn vào công cuộc thực hiện chiến lược toàn diện về tăng trưởng kinh tế, tạo công ăn việc làm, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội. Cấp ủy, chính quyền địa phương đã thường xuyên quan tâm, đồng hành cùng doanh nghiệp; ban hành nhiều chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp; cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, hỗ trợ, cải thiện môi trường đầu tư; kịp thời lắng nghe, giải quyết những kiến nghị của doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn, động viên doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, thực trạng doanh nghiệp của tỉnh hiện nay vẫn còn một số hạn chế, đó là: chưa xuất hiện nhiều doanh nghiệp có đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước; nhiều lĩnh vực của tỉnh chưa được quan tâm đầu tư xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh; một số doanh nghiệp nằm trong khu dân cư có dây chuyền sản xuất, thiết bị lạc hậu, chưa được đầu tư nâng cấp, đổi mới dẫn tới chất lượng sản phẩm còn hạn chế, quá trình sản xuất còn gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường và các hộ dân hiện hữu xung quanh.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên và phát huy tối đa tiềm năng phát triển, UBND tỉnh Thanh Hóa đã dự thảo Chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025. Để hoàn thiện dự thảo cơ chế, chính sách chính sách nêu trên, UBND tỉnh Thanh Hóa xin báo cáo Bộ Công Thương để xin ý kiến, với các nội dung chính như sau:

I. Sự cần thiết ban hành chính sách

Việc xây dựng Chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025 là cần thiết vì các lý do sau:

- Thứ nhất: Yêu cầu nhiệm vụ thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Cụ thể là:

+ Giai đoạn 2021 - 2025: Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm GRDP đạt 11% trở lên; tốc độ tăng năng suất lao động đạt trên 9,6%; thu ngân sách trên địa bàn tăng 10% trở lên; tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội 05 năm đạt 750.000 tỷ đồng trở lên. Đến năm 2025, GRDP/người đạt 5.200 USD trở lên; kim ngạch xuất khẩu đạt 8 tỷ USD.

+ Giai đoạn 2026 - 2030: Tốc độ tăng trưởng GRDP 9,2%/năm trở lên; tốc độ tăng năng suất lao động đạt trên 8,1%/năm; thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 7%/năm trở lên; tổng vốn đầu tư toàn xã hội 05 năm đạt 900.000 tỷ đồng trở lên. Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt 8.990 USD trở lên; kim ngạch xuất khẩu đạt 15 tỷ USD.

+ Tầm nhìn đến năm 2045: Thanh Hoá là tỉnh giàu đẹp, văn minh và hiện đại; tỉnh phát triển toàn diện và kiểu mẫu của cả nước.

- Thứ hai: Thực hiện một trong ba khâu đột phá tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025, đó là: “Khâu đột phá về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ; chủ động, tích cực tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững”.

- Thứ ba: Các chính sách, chương trình hỗ trợ phát triển công nghiệp của Trung ương và của tỉnh đang thực hiện chưa có Chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

II. Quan điểm, mục tiêu ban hành chính sách

1. Quan điểm chủ đạo xây dựng chính sách

Ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025, góp phần tăng thu ngân sách của tỉnh, **tạo việc làm ổn định cho người dân.**

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

- Mục tiêu đến năm 2030, xây dựng tỉnh Thanh Hoá là tỉnh giàu đẹp, văn minh, hiện đại và thân thiện với môi trường; một trong những trung tâm lớn của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước về công nghiệp năng lượng và chế biến, chế tạo.

- Tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất công nghiệp (GOCN) (giá SS 2010) giai đoạn 2021-2025 là 15,3%/năm; GOCN đến năm 2025 đạt 280.000

tỷ đồng, gấp 1,98 lần năm 2020; đến năm 2030 xây dựng Thanh Hóa cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại; đóng góp quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu thu ngân sách trên địa bàn tỉnh tăng 10%/năm trở lên.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn, có nhu cầu đầu tư đổi mới dây chuyền, công nghệ thiết bị hiện đại trên địa bàn tỉnh đầu tư đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025; góp phần tăng thu ngân sách nhà nước, **tạo việc làm ổn định cho người dân.**

III. Nội dung chính sách

1. Đối tượng hỗ trợ

Các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam trên địa bàn tỉnh đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

2. Điều kiện hỗ trợ

Các đối tượng được hỗ trợ phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư đổi mới công nghệ - thiết bị sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường (kèm theo thuyết minh phương án sản xuất - kinh doanh cam kết sau khi được hỗ trợ từ chính sách sẽ tăng nộp ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh) được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; bắt đầu thực hiện và hoàn thành dự án trong khoảng thời gian từ ngày Nghị quyết có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

- Tổng vốn dự án đầu tư đổi mới công nghệ - thiết bị tối thiểu 100 tỷ đồng và tối đa không quá 400 tỷ đồng, trong đó: vốn tự có của doanh nghiệp tối thiểu 30%; vốn vay đã được ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng cam kết cho doanh nghiệp vay vốn để thực hiện đầu tư.

- Doanh nghiệp nộp ngân sách tỉnh từ **100** tỷ đồng/năm trở lên trong 02 năm gần nhất (không bao gồm tiền sử dụng đất và tiền thuê đất nộp một lần).

- Doanh nghiệp có nhà máy sản xuất nằm trong khu dân cư, khu đô thị và nằm ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Doanh nghiệp có số lượng cán bộ, công nhân viên, người lao động hoạt động thường xuyên từ 500 người trở lên trong 02 năm gần nhất và thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

- Công nghệ - máy móc, thiết bị đổi mới phải mới 100%, **hiện đại, tự động hóa**, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ lãi suất trong hạn mức vốn vay các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng cho doanh nghiệp vay để thực hiện dự án đổi mới công nghệ - thiết bị sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Hạn mức vay vốn:

+ Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân vốn vay theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng cho đến khi kết thúc hợp đồng tín dụng nhưng tối đa không quá 07 năm.

+ Mỗi doanh nghiệp được chấp thuận hỗ trợ tối đa cho không quá 02 dự án theo chính sách tại Nghị quyết này trong giai đoạn 2022-2025.

b) Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 100% lãi suất đối với khoản vay không quá 70% chi phí công nghệ, thiết bị đổi mới; mức hỗ trợ tối đa không quá 30 tỷ đồng/năm.

4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Số lượng hồ sơ: 01 bộ; thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

- Đơn đề nghị lập hồ sơ hỗ trợ của Doanh nghiệp: Mẫu số 1 (bản chính).
- Báo cáo kết quả thực hiện: Mẫu số 2 (bản chính).
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao công chứng hoặc chứng thực).
- Bản tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành (bản sao công chứng hoặc chứng thực).
- Đã hoàn thành dự án đổi mới công nghệ - thiết bị và đi vào hoạt động; *hồ sơ gồm*: Hợp đồng, hóa đơn, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mua sắm máy móc, thiết bị, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, giấy chứng nhận chất lượng, giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường của nhà sản xuất, phiếu đóng gói hàng hóa, chứng từ hợp pháp chứng minh chi phí đầu tư, chi phí mua sắm máy móc, thiết bị, chi phí chuyển giao kỹ thuật, công nghệ (nếu có), (bản sao công chứng hoặc chứng thực).
- Hồ sơ chứng minh sản phẩm của dây chuyền sản xuất được hỗ trợ bởi chính sách được sản xuất và tiêu thụ tại thị trường trong nước hoặc xuất khẩu (bản sao công chứng hoặc chứng thực).
- Văn bản bản xác nhận của cơ quan thuế về thu nộp thuế của doanh nghiệp 02 năm gần nhất (bản chính).
- Hợp đồng của doanh nghiệp với ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng vay vốn thực hiện dự án (bản sao công chứng hoặc chứng thực).
- Văn bản xác nhận của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng, xác nhận doanh nghiệp đã chi trả lãi vay cho ngân hàng (bản chính).

- Danh sách cán bộ, công nhân viên, người lao động hoạt động thường xuyên đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong 02 năm gần nhất (thể hiện rõ số, thời điểm ký hợp đồng và địa chỉ thường trú), có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội và các cơ quan có thẩm quyền (bản chính).

IV. Trình tự thực hiện chính sách

1. Doanh nghiệp nộp trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích) hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ về Sở Công Thương để xem xét giải quyết.

2. Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm chủ trì tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ và có văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức Hội đồng thẩm định công nghệ của dự án.

3. Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng thẩm định công nghệ dự án. Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ tập hợp kết quả thẩm định công nghệ của Hội đồng gửi về Sở Công Thương.

4. Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương gửi văn bản thẩm định kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan cho Sở Tài chính. Trường hợp doanh nghiệp không đủ điều kiện được hưởng chính sách, Sở Công Thương có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp.

5. Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ thẩm định do Sở Công Thương chuyển đến, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định mức kinh phí hỗ trợ cụ thể của đối tượng thụ hưởng theo các nội dung hỗ trợ, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Trường hợp không đủ căn cứ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt mức kinh phí hỗ trợ cụ thể theo đề nghị của Sở Công Thương, Sở Tài chính nêu rõ lý do và thông báo bằng văn bản cho Sở Công Thương để thông báo cho doanh nghiệp đề nghị thụ hưởng chính sách.

6. Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ thẩm định do Sở Tài chính trình, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ đối với đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ, gửi Sở Tài Chính và Sở Công Thương. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Văn phòng UBND tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Sau khi có Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Công Thương chuyển Quyết định hỗ trợ về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả kết quả cho doanh nghiệp.

7. Sau khi nhận được Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm thực hiện việc chi trả kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

V. Quy định về bồi hoàn kinh phí

Các đối tượng được thụ hưởng chính sách phải cam kết sử dụng máy móc, thiết bị và công nghệ đã đầu tư trong thời gian ít nhất là 05 năm sau khi được hỗ trợ. Trong trường hợp không thực hiện đúng cam kết nêu trên (trừ trường hợp thiệt hại do sự kiện bất khả kháng được quy định tại Khoản 1, Điều 156 Bộ luật Dân sự năm 2015) thì phải hoàn trả toàn bộ kinh phí đã nhận hỗ trợ và không được bồi thường bất kỳ chi phí liên quan đến việc thực hiện các thủ tục đề nghị hỗ trợ.

VI. Cơ chế và nguồn kinh phí thực hiện chính sách:

1. Cơ chế hỗ trợ: Lãi suất vay được hỗ trợ chi trả hàng năm sau khi dự án đã bàn giao đưa vào sử dụng. Lãi suất vay theo hợp đồng tín dụng phải đảm bảo các quy định về trần lãi suất trong từng thời kỳ và các quy định pháp luật có liên quan (nếu có).

2. Nguồn vốn hỗ trợ: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

VII. Dự toán nguồn vốn và nguồn hỗ trợ

Dự kiến tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh thực hiện Chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025 khoảng 200 tỷ đồng.

VIII. Thời gian thực hiện chính sách

Từ ngày Nghị quyết có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo và xin ý kiến Bộ Công Thương về dự thảo Chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KTTC.

CHỦ TỊCH

Đỗ Minh Tuấn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Số: /NQ-HĐND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành Chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Xét Tờ trình số..../TTr-UBND ngày ... tháng... năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số ngày... tháng... năm 2021 của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025, với những nội dung như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ

Các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam trên địa bàn tỉnh đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường, **tạo việc làm ổn định cho người dân, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước.**

2. Điều kiện hỗ trợ

Các đối tượng được hỗ trợ phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư đổi mới công nghệ - thiết bị sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường (kèm theo thuyết minh phương án sản xuất - kinh doanh cam kết sau khi được hỗ trợ từ chính sách sẽ tăng nộp ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh) được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; bắt đầu thực hiện và hoàn thành dự án trong khoảng thời gian từ ngày Nghị quyết có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

- Tổng vốn dự án đầu tư đổi mới công nghệ - thiết bị tối thiểu 100 tỷ đồng và tối đa không quá 400 tỷ đồng, trong đó: vốn tự có của doanh nghiệp tối thiểu 30%; vốn vay đã được ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng cam kết cho doanh nghiệp vay vốn để thực hiện đầu tư.

- Doanh nghiệp nộp ngân sách tỉnh từ 100 tỷ đồng/năm trở lên trong 02 năm gần nhất (không bao gồm tiền sử dụng đất và tiền thuê đất nộp một lần).

- Doanh nghiệp có nhà máy sản xuất nằm trong khu dân cư, khu đô thị và nằm ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Doanh nghiệp có số lượng cán bộ, công nhân viên, người lao động hoạt động thường xuyên từ 500 người trở lên trong 02 năm gần nhất và thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

- Công nghệ - máy móc, thiết bị đổi mới phải mới 100%, hiện đại, tự động hóa, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ lãi suất trong hạn mức vốn vay các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng cho doanh nghiệp vay để thực hiện dự án đổi mới công nghệ - thiết bị sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Hạn mức vay vốn:

- + Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân vốn vay theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng cho đến khi kết thúc hợp đồng tín dụng nhưng tối đa không quá 07 năm.

- + Mỗi doanh nghiệp được chấp thuận hỗ trợ tối đa cho không quá 02 dự án theo chính sách tại Nghị quyết này trong giai đoạn 2022-2025.

b) Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 100% lãi suất đối với khoản vay không quá 70% chi phí công nghệ, thiết bị đổi mới; mức hỗ trợ tối đa không quá 30 tỷ đồng/năm.

4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Số lượng hồ sơ: 01 bộ; thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

- Đơn đề nghị lập hồ sơ hỗ trợ của Doanh nghiệp: Mẫu số 1 (bản chính).
- Báo cáo kết quả thực hiện: Mẫu số 2 (bản chính).
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao công chứng hoặc chứng thực).
- Bản tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành (bản sao công chứng hoặc chứng thực).
- Đã hoàn thành dự án đổi mới công nghệ - thiết bị và đi vào hoạt động; *hồ sơ gồm*: Hợp đồng, hóa đơn, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mua sắm máy móc, thiết bị, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, giấy chứng nhận chất lượng, giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường của nhà sản xuất, phiếu đóng gói hàng hóa, chứng từ hợp pháp chứng minh chi phí đầu tư, chi phí mua sắm máy móc, thiết bị, chi phí chuyển giao kỹ thuật, công nghệ (nếu có), (bản sao công chứng hoặc chứng thực).
- Hồ sơ chứng minh sản phẩm của dây chuyền sản xuất được hỗ trợ bởi chính sách được sản xuất và tiêu thụ tại thị trường trong nước hoặc xuất khẩu (bản sao công chứng hoặc chứng thực).
- Văn bản bản xác nhận của cơ quan thuế về thu nộp thuế của doanh nghiệp 02 năm gần nhất (bản chính).
- Hợp đồng của doanh nghiệp với ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng vay vốn thực hiện dự án (bản sao công chứng hoặc chứng thực).
- Văn bản xác nhận của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng, xác nhận doanh nghiệp đã chi trả lãi vay cho ngân hàng (bản chính).
- Danh sách cán bộ, công nhân viên, người lao động hoạt động thường xuyên đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong 02 năm gần nhất (thể hiện rõ số, thời điểm ký hợp đồng và địa chỉ thường trú), có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội và các cơ quan có thẩm quyền (bản chính).

Điều 2. Trình tự thực hiện chính sách

1. Doanh nghiệp nộp trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích) hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Trung tâm Phục vụ hành

chính công tỉnh chuyển hồ sơ về Sở Công Thương để xem xét giải quyết.

2. Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm chủ trì tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ và có văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức Hội đồng thẩm định công nghệ của dự án.

3. Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng thẩm định công nghệ dự án. Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ tập hợp kết quả thẩm định công nghệ của Hội đồng gửi về Sở Công Thương.

4. Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương gửi văn bản thẩm định kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan cho Sở Tài chính. Trường hợp doanh nghiệp không đủ điều kiện được hưởng chính sách, Sở Công Thương có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp.

5. Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ thẩm định do Sở Công Thương chuyển đến, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định mức kinh phí hỗ trợ cụ thể của đối tượng thụ hưởng theo các nội dung hỗ trợ, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Trường hợp không đủ căn cứ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt mức kinh phí hỗ trợ cụ thể theo đề nghị của Sở Công Thương, Sở Tài chính nêu rõ lý do và thông báo bằng văn bản cho Sở Công Thương để thông báo cho doanh nghiệp đề nghị thụ hưởng chính sách.

6. Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ thẩm định do Sở Tài chính trình, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ đối với đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ, gửi Sở Tài Chính và Sở Công Thương. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Văn phòng UBND tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Sau khi có Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Công Thương chuyển Quyết định hỗ trợ về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả kết quả cho doanh nghiệp.

7. Sau khi nhận được Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm thực hiện việc chi trả kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quy định về bồi hoàn kinh phí

Các đối tượng được thụ hưởng chính sách phải cam kết sử dụng máy móc, thiết bị và công nghệ đã đầu tư trong thời gian ít nhất là 05 năm sau khi được hỗ

trợ. Trong trường hợp không thực hiện đúng cam kết nêu trên (trừ trường hợp thiệt hại do sự kiện bất khả kháng được quy định tại Khoản 1, Điều 156 Bộ luật Dân sự năm 2015) thì phải hoàn trả toàn bộ kinh phí đã nhận hỗ trợ và không được bồi thường bất kỳ chi phí liên quan đến việc thực hiện các thủ tục đề nghị hỗ trợ.

Điều 4. Cơ chế và nguồn kinh phí thực hiện chính sách:

1. Cơ chế hỗ trợ: Lãi suất vay được hỗ trợ chi trả hàng năm sau khi dự án đã bàn giao đưa vào sử dụng. Lãi suất vay theo hợp đồng tín dụng phải đảm bảo các quy định về trần lãi suất trong từng thời kỳ và các quy định pháp luật có liên quan (nếu có).

2. Nguồn vốn hỗ trợ: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 5. Thời gian thực hiện chính sách:

Từ khi Nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, Kỳ thông qua ngày...tháng...năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày...tháng...năm 2021./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội; đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Đỗ Trọng Hưng

PHỤ LỤC:
MẪU ĐƠN, TỜ KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, KHUYẾN KHÍCH
DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ ĐỂ NÂNG CAO NĂNG
SUẤT, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM; GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA GIAI ĐOẠN 2022-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

MẪU SỐ 01
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ LẬP HỒ SƠ HỖ TRỢ

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Thanh Hóa

1. Doanh nghiệp đề nghị lập hồ sơ hỗ trợ

- Tên:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại liên hệ:

- Người đại diện (đối với tổ chức, đơn vị, hộ gia đình):

Chức vụ; Số CMND/CCCD

- Số Tài khoản của doanh nghiệp:

2. Danh mục tài liệu được gửi kèm theo đơn này để chứng minh thuộc đối tượng
hỗ trợ, đủ điều kiện hỗ trợ, chi phí.....

3. Cam kết nếu được hỗ trợ

Sử dụng máy móc, thiết bị và công nghệ đã đầu tư trong thời gian ít nhất là
05 năm sau khi được hỗ trợ. Trong trường hợp không thực hiện đúng cam kết nêu
trên (trừ trường hợp thiệt hại do sự kiện bất khả kháng được quy định tại Khoản 1
Điều 156 Bộ luật Dân sự năm 2015) thì hoàn trả toàn bộ kinh phí đã nhận hỗ trợ.

Xin cam đoan các thông tin trong đơn này và trong tài liệu gửi kèm theo là
đúng sự thật; nếu sai xin chịu trách nhiệm hoàn trả kinh phí hỗ trợ và không được
bồi thường bất kỳ chi phí liên quan đến việc thực hiện các thủ tục đề nghị hỗ trợ.

Kính đề nghị Sở Công Thương tỉnh Thanh Hóa lập hồ sơ hỗ trợ để được
hưởng chính sách theo Nghị quyết số/2021/NQ-HĐND ngày/.../2021
của HĐND tỉnh Thanh Hóa./.

Thanh Hóa, ngày..... thángnăm

DOANH NGHIỆP LÀM ĐƠN

Ký tên, đóng dấu (nếu có)

MẪU SỐ 02
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chính sách đề nghị hỗ trợ:

.....
.....

2. Thông tin về doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ:

- Tên:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại liên hệ:

- Người đại diện (đối với tổ chức, đơn vị, hộ gia đình):

Chức vụ; Số CMND/CCCD

3. Địa điểm triển khai:

4. Tổng mức đầu tư:

5. Thời gian thực hiện: từ tháng /năm đến tháng /năm

.....

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Các hoạt động triển khai thực hiện *(Nêu rõ nội dung công việc, quy mô, thời gian, địa điểm thực hiện)*

.....
.....

2. Kết quả đạt được *(nêu kết quả đạt được sau khi thực hiện dự án)*

.....

3. Các hạng mục được đầu tư *(liệt kê chi tiết các hạng mục đầu tư như: Máy móc, thiết bị,...)*

TT	Tên hạng mục đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Chỉ tiêu đạt được	Ghi chú

4. Sự đáp ứng các điều kiện để thụ hưởng chính sách

TT	Điều kiện để được hỗ trợ	Kết quả đạt được	Tài liệu chứng minh

5. Kinh phí đã chi cho những nội dung được hỗ trợ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Đơn vị tính	Số lượng	Thành tiền	Tài liệu chứng minh
	Cộng				

Đề nghị được hỗ trợ theo Nghị quyết số/2021/NQ-HĐND ngày/....../2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa số tiền là:đồng
(Bằng chữ)

Thanh Hóa, ngàythángnăm

DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN

Ký tên, đóng dấu (nếu có)